

O C VÀ TRÍ TU HAY LÀ GIÁ TR C A TAM H C PH T GIÁO IV ICU C S NG HI N NAY

HÀ THỨC MINH

o c và trí tu là s n ph m c a nhân lo i. Tuy nhiên, khai thác và s d ng nh th nào không ph i ai c ng gi ng ai, lúc nào c ng nh nhau. Hòa tan o c vào trí th c (trí tu) hay hòa tan o c vào chính tr là hai xu h ng xuyên su t l ch s ông và Tây. Ph t giáo l i có cách gi i quy t c áo v v n này. Có l cách gi i quy t c a Ph t giáo c ng r t áng cu c s ng hi n nay ph i suy ng m.

Kinh i n c a Ph t giáo dù cho “l u truy n tám v n t ” i n a thì c ng không ra ngoài *Tam h c* 三学. Pali g i là Tisrah sikkhah; Sanskrit g i là Tisrah siksah. Tam h c còn g i là Tam vô l u h c. ó là *Gi i*, *nh* và *Tu*, là quá trình tu t p mà b t c ai quy y Ph t giáo, mu n t b m i phi n não c a th gian, cho dù xu t gia hay t i gia u không th không theo. Ng i ta th ng cho r ng Tam h c là s quy n p c a Bát chánh o (Pali: Ariyo Atthangiko maggo; Sanskrit: Aryastangamarga). Ch ng h n nh “chánh ki n”, “chánh t duy” thu c v *Tu*, “chánh ng ”, “chánh nghi p”, “chánh m ng”, “chánh tinh ti n” thu c v *Gi i*, “chánh ni m”, “chánh nh” thu c v nh.

Tuy nhiên, nh ng pháp môn quan tr ng khác nh L c 六度, T ni m x 四念处... c ng là nh ng con ng khác nhau nh ng u h ng v m c tiêu chung. *Kinh D ch* g i ó là “ ng quy nhi thù ”. “Gi i thoát” (Sanskrit g i là Moksha, Vimoksha, Vimukti hay Mukti) là i m “ ng quy” c a m i con ng khác nhau ó. “L c ” (Paramita, *Parami* trong ti ng

Pali có ngh a là hoàn thi n, hoàn m). “B thí, trì gi i, nh n n i” trong L c thu c v *Gi i*, còn l i là nh và *Tu*.

“T ni m x ” (Pali: Satipatthana; Sanskrit: Satyupasthana). T ni m x là ni m “Thân vô tnh”, “Th kh ”, “Tâm vô th ng”, “Pháp vô ngã”. “Thân” và “Th ” thu c v *Gi i*, “Tâm” và “Pháp” thu c v *Tu*. nh (Ni m) xuyên su t c Thân, Th , Tâm, Pháp.

Nh v y, Tam h c không ch là s quy gi n c a Bát chánh o mà còn là s quy gi n c a toàn b Ph t giáo.

Tam h c g m có “*Gi i*”, “ nh” và “*Tu*”. “*Gi i*” (Sila) là gi i lu t, pháp lu t. “*Gi i*” có nhi u lo i: Ng gi i, Bát gi i, Th p gi i, C túc gi i, B tát gi i⁽¹⁾. “*Gi i*” có th chia thành hai lo i: Ch trì gi i và Tác trì gi i. Ch trì gi i là ng n ch n không làm nh ng i u ác, Tác trì gi i là th c hành nh ng i u thi n. Nh ng gi i lu t này có ngh a là t ki m ch b n thân (lu t k) ch không ph i “lu t tha”. Cho nên “*gi i*” thu c v o c ch không ph i pháp lu t. Nói v o c thì Nho giáo c ng là h c thuy t v o c. C t lõi c a h c thuy t này là “Nhân”. “Nhân” có hai nguyên t c: Th và Trung. “Th ”

Hà Thúc Minh. H c gi . Thành ph H Chí Minh.

là không làm cho người khác như người mà mình không muốn ai làm cho mình (kết quả của việc tu thân). “Trung” là cần làm như người mà mình muốn cho người khác (Kể chuyện về người nhân, kể chuyện về người nhân). Hai nguyên tắc này không như Nho giáo mà còn là nguyên tắc của Cơ giáo, Cựu ước và Tân ước có ghi chép hai nguyên tắc này. Cho nên nó cũng là nguyên tắc vàng (Golden Law) trong quan hệ người với người và người với người. Người gì thì người làm về thì người, Giỏi và Thiêng đều thuộc về quan niệm về đạo của Phật giáo. Thờ cha mẹ và pháp luật cũng là anh em cùng cha khác mẹ vậy thôi. Platon cũng đã cho rằng “luật pháp là đạo không có tình cảm” đó sao?. Đạo và pháp luật là sản phẩm của con người. Nó là chiếc “phao” giúp con người tồn tại và phát triển trong sóng gió của cuộc đời, như người thợ thuyền nó cũng là sợi dây ràng buộc con người với con người.

“Nh” là Thiền định (Dhyana), thiền định. Phật giáo Tiểu thừa có Thiền và Vô sở dụng, thiền định có Niệm Phật thiền và Thiền định thiền. Trăn Thái Tông trong *Khóa h* cho rằng Thiền định là người kiên trì tu có được tu giác. Phật giáo quan niệm tu giác hay trí tuệ sẽ có được không phải do kết quả của hoạt động thể chất bên ngoài mà là do tác động tâm lý bên trong, không phải trong trạng thái ngủ mà trong trạng thái tỉnh. “Tĩnh” cũng là “động”. Thiền định không phải là không động mà là động, động mà tĩnh. Cốt lõi của Phật học không gì khác hơn là “duyên khởi, tính không”.

“Tu” là trí tuệ Bát nhã, là sự giác ngộ sâu

sắc lý của vật và nhân sinh. “Tu” (Prajna, tiếng Anh gọi là Wisdom) khác với “trí thức” (Vijnana, tiếng Anh gọi là Knowledge). “Trí thức” không như không bao hàm “tu” mà còn bị tụt vào một trong 5 uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). “Tu” là sự thăng hoa của trí thức. Trí thức có thể chuyển thành trí tuệ này sang trí tuệ khác, như “Tu” là sự chuyển mình.

Trong “Tam học” đạo đức và trí tuệ đã chi phối hai phần ba. “Nh” và “đạo” là thiền định không phải là sáng tạo của Phật giáo, như “nh” cũng dùng nhiều kỹ thuật đạo đức và trí tuệ, lý lẽ là niềm tin chắc chắn có Phật giáo. Hơn nữa cũng cần lưu ý rằng trong “Tam học” chỉ có thuật ngữ “trí tuệ” (Wisdom) chứ không phải là thuật ngữ “trí thức” (Knowledge).

Phật giáo Tây phương thì chỉ có Hy Lạp, Socrates cũng thường nói về quan hệ giữa “trí thức” (chứ không phải trí tuệ) và “đạo đức”. Tuy nhiên, Socrates cũng nói về nghệ thuật của đạo đức và trí thức. Theo ông, “đạo đức và trí thức là một” (Virtue and knowledge are one and the same). Socrates cũng nói về đạo đức và trí thức, nói đúng hơn là ông đã hòa tan đạo đức vào trí thức. Socrates đã đặt giá trị của trí thức hàng đầu của mọi giá trị. Theo ông, “không có gì tốt hơn trí thức và cũng không có gì tệ hơn là ngu dốt” (The only good is knowledge and the only evil is ignorance).

Phật giáo Tây phương quan tâm đến quy tắc về quan hệ giữa con người và tự nhiên hơn là về quan hệ giữa con người và con người. Socrates cao giá trị của trí thức cũng như có gì là lý lẽ, bởi vì trí thức, lý tính, khoa học là chiếc chìa khóa

con ng i nh n th c, khai thác t nhiên, phát tri n s n xu t, kinh t em l i cho con ng i i s ng v t ch t y h n. o c là lu t k , kinh t là l i k . L i k xem ra có ph n h p d n h n là lu t k . Cho nên o c có hòa tan vào tri th c hay bi n m t i n a c ng ch ng có gì quan tr ng l m! Ch ng trách Rousseau than th r ng n n giáo d c Pháp lúc b y gi (th k XVIII) ã i sai ng vì ra s c ào t o tr em khôn lên ch không ph i t t lên. Th m chí Nietzsche còn mu n “t giã” v Th ng luôn h a h n s bù l i m t cu c s ng Thiên ng th gi i bên kia n u con ng i ch p nh n m t cu c s ng l m than th gi i bên này. Nietzsche tuyên b : “Th ng ã ch t” (Dieu est mort). Khi Th ng ã ra i thì cái gì c ng có th x y ra. o c “lu t k ” ã ra i thì lu t pháp, cho dù là “lu t tha” i n a c ng s c thay th . Nh ng d u sao lu t pháp c ng ch qu n lý cái t i thì u ch không ph i qu n lý cái t i a nh o c. Cho nên ph ng Tây cho dù hòa tan o c vào tri th c, r i tri th c, lý tính, khoa h c tr thành ôi a th n em l i i s ng v t ch t, kinh t y cho con ng i, nh ng ng th i l i bi n con ng i thành “con ng i kinh t ” (Homo economics). o c là “lu t k ”, kinh t là “l i k ”, “lu t” và “l i” b t tay nhau làm cho con ng i kinh t d u sao c ng có c không gian t do nào ó. Tuy nhiên, cái g i là t do hay gi i thoát th c s thì e r ng hã còn lâu. N u không ph i v y thì t i sao ngay trang m u c a tác ph m *Kh c xã h i* (Du contrat social) Rousseau ã ph i th t lên r ng: “Con ng i sinh ra v n t

do nh ng âu âu c ng b kìm k p” (L’homme est né libre, et partout il est dans les fers). Tuy v y, “con ng i kinh t ” xem ra v n còn d th h n là “con ng i chính tr” ph ng ông.

Nói n “con ng i chính tr” không th không nói n Nho giáo. “Con ng i chính tr” là s n ph m không ph i c a ai khác mà chính là c a Nho giáo. Nho giáo ra i vào th k th V - VI tr c Công nguyên, nh h ng n nhi u n c ph ng ông, hình thành ra cái g i là khu v c v n hóa Nho giáo. Nho giáo là h c thuy t v o c. Nói úng h n là h c thuy t v chính tr - o c. Nho giáo nguyên th y xem o c là m c ích, chính tr là ph ng ti n. Nh ng m t nghìn n m tr m n m sau, T ng Nho ã làm m t cu c o l n ngo n m c. o c không còn là m c ích n a mà ch là ph ng ti n, chính tr m i là m c ích. C ng nh Nho giáo nguyên th y, T ng Nho t o c cao h n c sinh m nh con ng i: “Ch t ói vi c nh , th t ti t m i là vi c l n” (Ng t s ti u, th t ti t s i 饿死事小失节事大, *Trình th di th*).

o c c t cao h n s s ng, sinh m nh con ng i, nh ng l i c t d i chính tr. Nho giáo nguyên th y luôn ng v phía o c n u nh o c và chính tr mâu thu n. T ng Nho l i khác, “ i ngh a di t thân” (ti u ngh a là o c, i ngh a là chính tr) là chiêu bài c a T ng Nho dùng gi i quy t khi mâu thu n x y ra gi a o c và chính tr. Chiêu bài “ i ngh a di t thân” càng c gi ng cao bao nhiêu thì ph t , huynh càng t ng tàn b y nhiều. Trong xã h i mà N c là s m r ng c a Nhà và Nhà là s thu h p c a N c

thì khi mà chính trị ưu việt ở các thì cũng là lúc mà ở các và vô ở các trở thành những tư tưởng trong xã hội là văn minh.

Phật giáo không phải không nói đến kinh tế và chính trị. Dù sao thì kinh tế và chính trị cũng chỉ là điều kiện chứ không phải là cứu cánh của giải thoát. Phật giáo cũng không chỉ dừng lại ở “lý thuyết B”, những tư tưởng hay giải thoát của Phật giáo cũng có những sắc thái riêng không phải giáo lý nào cũng có. “Tam học” là sự kết hợp giữa đạo đức và trí tuệ (chứ không phải trí tuệ) bằng Thiền nhằm hướng con người về giải thoát của Phật giáo. Có thể kể ra những ví dụ sau đây:

Thiền t, giải thoát không phải bắt đầu bên ngoài mà bắt đầu bên trong.

Thiên nhiên nói với nhau rằng hoàn cảnh tạo ra con người và con người cũng tạo ra hoàn cảnh. Có thể thay đổi hoàn cảnh, thay đổi thế giới bên ngoài thì đó thay đổi bên thân con người. Cũng có thể thay đổi bên thân con người thì đó thay đổi thế giới bên ngoài. Trong hai cách đó, có lẽ giải thoát của Phật giáo theo cách thứ hai. Cũng cần nói thêm rằng “thay đổi” thế giới không nhất thiết bằng hoạt động thực tiễn mà là thay đổi nhận thức của con người về thế giới. Chẳng hạn như hôm qua tôi nhìn núi là núi, nhìn sông là sông, hôm nay tôi nhìn núi không phải núi, nhìn sông không phải sông. Ngày mai tôi lại nhìn núi là núi, nhìn sông là sông. Không phải tôi thay đổi núi sông mà chính là thay đổi nhận thức của tôi về núi sông. Đâu núi ngẩng sông hay là chinh phục tự nhiên là chuyển dời những tư tưởng khoa

học. Còn chuyển đổi nhận thức của tôi về thế giới là chuyển thức của tôi trong tư tưởng của tôi. Chẳng trách những Phật giáo thế giới văn minh của lý giáo lý giải thoát của Phật giáo này của Phật: “A harmonious World begins in the Mind” (Thế giới hài hòa bắt đầu trong Tâm) hay: “Harmony in Society begins from the Mind” (Mối xã hội hài hòa bắt đầu trong Tâm).

Mình hãy còn nhớ nhà triết học Kant của thế kỷ XVIII, tuyên bố rằng ông đã làm cuộc cách mạng về nhận thức luận theo kiểu Copernic (Copernican Revolution) đã làm trong thiên văn học. Kant cho rằng không phải nhận thức của chúng ta phụ thuộc vào khách thể mà ngược lại. Không biết Kant chịu ảnh hưởng của Phật giáo nhiều hay ít, nhưng điều mà ông tuyên bố về nhận thức luận không hẳn mà trở thành nền tảng hành vi giải thoát của Phật giáo.

Nghe tôi đã kể câu nói nổi tiếng của nhà triết học Kant trên bìa sách của ông: “Có hai sự kiện làm cho chúng ta càng suy nghĩ càng cảm thấy bàng hoàng, khiếp sợ, đó là kho tàng tri thức không trên bầu trời và kho tàng tri thức không vô cùng ở trong tâm của chúng ta” (Zwei Dinge erfüllen das Gemüt mit immer neuer und zunehmender Bewunderung und Ehrfurcht, je öfter und anhaltender sich das Nachdenken damit beschäftigt: Der bestirnte Himmel über mir, und das moralische Gesetz in mir).

Hai sự kiện, hai kho tàng tri thức mà Kant nói đến, điều gì ông là hoàn toàn thế giới, những điều gì thì nhận thức của Phật giáo thì lại hoàn toàn chính xác. Kho tàng “không” thế giới của Thiền như bao giải

c ng t o i u ki n t i u tia ch p Tu
giác và Gi i thoát xu t hi n.

Th hai, gi i thoát b t u t cá nhân
ch không ph i t c ng ng.

N u “Tu ” là t c m nh n ch không
ph i là truy n t - ti p thu. V y thì
không có c ng ng nào có th làm vi c
ó thay cho cá nhân c . Trong *Tuyên
ngôn c a ng C ng s n*, Mác vi t v t
do c a cá nhân nh sau: “S t do phát
tri n c a cá nhân là i u ki n cho t do
phát tri n c a c ng ng”.

N u nh sáng t o bao gi c ng b t u
t cá nhân thì gi i thoát c ng v y, gi i
thoát là s sáng t o c a sáng t o.

Tr n Thái Tông trong *Khóa h / c kh ng*
nh r ng không có nh thì không có tu ,
không có tu thì c ng không có gi i thoát.

Tóm l i, o c và trí tu (tri th c) là
s n ph m c a con ng i, không có nó thì

con ng i không th t n t i và phát tri n.
Tuy nhiên n u o c hòa tan vào tri
th c hay vào chính tr thì con ng i ho c
tr thành *con ng i kinh t* ho c *con
ng i chính tr*. Ph t giáo không ph i
không bàn n kinh t hay chính tr.
Ch ng ph i Ph t giáo i Tr n ã làm
cho kinh t , chính tr c a t n c lúc
b y gi phát tri n m nh m ó sao? Tuy
nhiên, kinh t , chính tr ch là i u ki n
ch không ph i là c u cánh. Nó là ngón
tay ch m t Tr ng ch không ph i b n
thân m t Tr ng. Gi i thoát c a Ph t giáo
làm cho con ng i tr thành con ng i
nhân b n, úng h n là con ng i t do -
gi i thoát. Tam h c c a Ph t giáo là s
k t h p gi a o c - trí tu và thi n
nh gi i thoát. Cho nên gi i thoát là
t gi i thoát. Tam h c và gi i thoát c a
Ph t giáo áng cho con ng i trong
cu c s ng hi n nay suy ng m. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Ng gi i* là 5 i u c m bao g m: 1) sát sinh, 2) tr m c p, 3) nói d i, 4) tà dâm, 5) u ng r u.

Bát gi i là 8 i u c m bao g m 5 i u c m nói trên c ng thêm 3 i u: 1) không tô son trát ph n, x c
d u th m, nh y múa ca hát, 2) không n m gi ng quá cao r ng, 3) không n ngoài th i gi quy nh.

Th p gi i là 10 i u c m bao g m 8 i u ã nói trên, c ng thêm: 1) không tàng tr c a c i, châu
báu, 2) không n quá gi ng .

C túc gi i (Upasampada) còn g i là C n viên gi i, gi i lu t c a T kheo và T kheo ni. i v i T
kheo g m có 250 i u, i v i T kheo ni g m có 348 i u. Nh ng gi i lu t c b n v n không
ngoài c m sát (sát sinh), dâm (tà dâm), v ng (nói d i) và o (tr m c p).

B tát gi i là gi i lu t c a Ph t giáo i th a cho nên còn g i là i th a gi i, Ph t tính gi i,
Ph ng ng gi i, Thiên Ph t gi i. B tát gi i khác v i ng gi i, bát gi i, th p gi i ch các gi i
u gi i v “s”, t c là không c s vì c x y ra, còn B tát gi i là gi i v “Tâm”, có ngh a là
ngay t i tâm c ng không c có nh ng ý ngh sai ph m gi i lu t quy nh. B tát gi i có ba gi i t nh
g i là Tam t t nh gi i, bao g m: nhi p lu t nghi gi i, nhi p thi n pháp gi i, nhiều ích h u tình gi i.

TÀI LI U TRÍCH D N

1. Ban Ho ng pháp Trung ng, Giáo h i Ph t giáo Vi t Nam.1998. *Ph th c c b n* (t p 1).
TPHCM. Nxb. TPHCM.
2. Rousseau, Jean Jacques. 2013. *Kh c xã h i* (D ng V n Hóa d ch). Hà N i: Nxb. Th
gi i và Alphabooks.